

VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA - SỰ LỰA CHỌN ĐÚNG ĐẮN, SÁNG SUỐT CỦA ĐẢNG TA VỀ MỘT KIỂU NHÀ NƯỚC CÁCH MẠNG

MẠCH QUANG THẮNG (*)

Tóm tắt: Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời ngày 02/9/1945 là thành quả 15 năm (1930 - 1945) đấu tranh anh dũng của Nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng, mở ra kỷ nguyên độc lập, tự do cho dân tộc. Đây là một kiểu nhà nước cách mạng mà Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sáng suốt lựa chọn sau nhiều biến cố của thời cuộc. Lịch sử đã chứng minh, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày nay là sự tiếp nối lựa chọn ấy và đang tích cực phát huy vai trò quan trọng để đạt được những mục tiêu chiến lược về phát triển đất nước đã đề ra đến năm 2045 - mốc kỷ niệm 100 năm thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Từ khóa: Đảng ta; lựa chọn đúng đắn; lịch sử dân tộc; nhà nước cách mạng; Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Abstract: The birth of the Democratic Republic of Vietnam on September 2, 1945 was the outcome of 15 years (1930 - 1945) of heroic struggle by the Vietnamese people under the leadership of the Party, opening an era of national independence and freedom. This was a revolutionary state model wisely chosen by our Party and President Ho Chi Minh after many historical upheavals. History has demonstrated that today's Socialist Republic of Vietnam is the continuation of that choice and is actively promoting its vital role in achieving the country's strategic development goals toward 2045 - the centennial anniversary of the founding of the Democratic Republic of Vietnam, now the Socialist Republic of Vietnam.

Keywords: Our Party; right choice; national history; revolutionary state; Democratic Republic of Vietnam.

Ngày nhận bài: 05/7/2025

Ngày biên tập: 04/8/2025

Ngày duyệt đăng: 19/8/2025

Hoàn cảnh lịch sử cho sự lựa chọn

Chính quyền nhà nước là vấn đề cốt lõi của mọi cuộc cách mạng xã hội. Một cuộc cách mạng xã hội chỉ được coi là thắng lợi và thắng lợi về cơ bản khi lực lượng cách mạng xóa bỏ được nhà nước đương thời để dựng xây nên một nhà nước mới. Trong các nhiệm vụ trọng yếu của cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam, vấn đề chính quyền

nhà nước giữ vị trí đặc biệt quan trọng. Nhà nước Việt Nam đầu tiên - Nhà nước thời đại Hùng Vương mang đặc trưng của hình thái kinh tế - xã hội phong kiến. Trải qua hàng nghìn năm tồn tại và phát triển với những thăng, trầm, chế độ phong kiến ở Việt Nam dần rơi vào khủng hoảng, nghiêm trọng nhất là từ cuối thế kỷ XIX, khi thực dân Pháp tiến hành xâm lược ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia và thiết lập đơn vị hải ngoại của Pháp có tên gọi là Liên bang Đông Dương vào đầu thế kỷ XX với chế độ chính trị "thuộc địa và phong kiến". Từ đó Việt Nam bị mất nước, tên "Việt Nam" bị loại khỏi bản đồ thế giới lúc bấy giờ.

(*) GS.TS; Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

(**) Bài viết trong Kế hoạch tuyên truyền những vấn đề lớn, trọng tâm hướng đến Đại hội lần thứ XIV của Đảng

Trong lịch sử dân tộc Việt Nam, ở đâu có áp bức, ở đó có đấu tranh, đó là quy luật sinh tồn và phát triển, hun đúc nên sức sống, ý chí và tinh thần yêu nước của con người Việt Nam, phản ánh, khắc sâu trong lịch sử hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc. Khi thực dân Pháp nổ phát súng đầu tiên vào bán đảo Sơn Trà (Đà Nẵng), nhân dân Việt Nam đã anh dũng đứng lên chiến đấu đáp trả. Trước năm 1945, ở Việt Nam đã bùng lên ba phong trào giải phóng dân tộc lớn: phong trào Cần Vương; phong trào theo khuynh hướng dân chủ tư sản; phong trào theo xu hướng cách mạng vô sản. Hai phong trào đầu đều bị thất bại một cách cay đắng, các bậc tiền liệt đã ngã xuống mảnh đất quê hương Việt Nam yêu dấu, nhưng độc lập, tự do vẫn không thành công. Dù vậy, các phong trào yêu nước đó đã để lại cho dân tộc ta một cách nhìn và phát lộ yêu cầu phải lựa chọn mục tiêu và con đường khác trước.

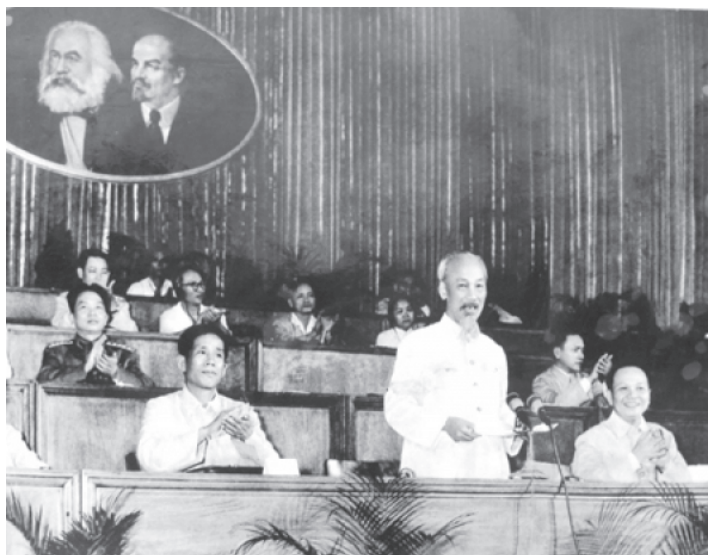
Đối với phong trào Cần Vương, mục tiêu được đặt ra là “phò vua”, nghĩa là sau khi đánh đổ ách thống trị của thực dân Pháp sẽ tiếp tục quay lại củng cố ngai vàng và chế độ phong kiến. Còn phong trào dân chủ tư sản với ba anh hùng tiêu biểu là Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Nguyễn Thái Học, dù đi theo phương cách bạo động vũ trang, hay cải cách duy tân cũng đều không đạt được mục tiêu mong muốn là giải phóng dân tộc, càng chưa thể đưa đất nước tiến lên xây dựng chế độ dân chủ tư sản ở Việt Nam. Thất bại của cụ Phan Bội Châu không phải do việc áp dụng những phương thức đấu tranh như ám sát cá nhân, đầu độc binh lính, dựa vào chủ yếu đối tượng tiểu tư sản, thông ngôn, binh lính... mà không dựa trên nền tảng lực lượng đông đảo nhất của xã hội là các tầng lớp công nông. Cốt lõi hơn, đó là thất bại của một trào lưu xã hội tuy mới mẻ ở Việt Nam nhưng đã lỗi thời so với các phong trào đấu tranh cách mạng trên thế giới lúc đó. Về phong trào của cụ Phan Châu Trinh, mặc dù cùng chung mục tiêu là giải phóng dân tộc nhưng vẫn thất bại do cách làm dựa vào sự cải biến và giúp đỡ của Pháp ở Đông Dương. Đối với tổ chức Việt Nam Quốc dân đảng của nhà yêu nước Nguyễn Thái Học thì cuộc khởi

nghĩa thất bại do đảng chương chưa rõ ràng, khởi nghĩa với khẩu hiệu “Không thành công cũng thành nhân”.

Thời điểm ấy, dân tộc Việt Nam chìm trong đêm tối, bế tắc không có đường ra. Khát vọng giải phóng dân tộc để tiến lên luôn cháy bỏng, nhưng cả mục tiêu phong kiến cũ cũng như mục tiêu dân chủ tư sản đều không phù hợp với yêu cầu lịch sử đấu tranh lúc bấy giờ. Lịch sử dân tộc tất yếu phải tìm ra con đường mới với mục tiêu hoàn toàn khác so với hai mục tiêu trên đây. Mặc dù tất cả các phong trào đều có chung một khát vọng là giành độc lập, tự do song mục tiêu chiến lược lại khác nhau. Một xu thế giải phóng dân tộc theo mục tiêu cộng sản bắt đầu thành hình. Vấn đề đặt ra là ai sẽ là người đi tiên phong mở đường cho xu hướng này và tiến trình sẽ được thực hiện như thế nào. Ở đây, câu nói bất hủ của C.Mác chính là chân lý soi đường: “Mỗi thời đại xã hội đều cần có những con người vĩ đại của nó và nếu không có những con người vĩ đại như thế thì thời đại sẽ sáng tạo ra những con người như thế”⁽¹⁾. Thời cuộc đã tìm thấy con người vĩ đại ấy, đó chính là Chủ tịch Hồ Chí Minh⁽²⁾. Cuộc ra đi tìm đường cứu nước của người thanh niên Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc với hàng chục năm bôn ba ở khắp các châu lục trên thế giới thực chất là hành trình tìm kiếm và xác lập mục tiêu phát triển mới cho dân tộc Việt Nam: mục tiêu xã hội cộng sản. Đây không phải là con đường Cần Vương, cũng không phải dân chủ tư sản - những mục tiêu tuy mới mẻ với Việt Nam nhưng không còn phù hợp với thời đại và với sự phát triển của dân tộc Việt Nam.

Sự lựa chọn cụ thể

Sau khi nghiên cứu các cuộc cách mạng trên thế giới, đặc biệt là ba cuộc cách mạng có tính điển hình như cách mạng Mỹ, cách mạng Pháp, Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười Nga, đồng thời nghiên cứu, tổng kết thực tiễn 15 năm đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945), Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã rút ra những nhận định, kết luận quan trọng để xác định kiểu nhà nước mà cách mạng Việt Nam phải thiết lập sau khi giải phóng dân tộc thành công.



Ảnh tư liệu

Thứ nhất, quyền lực nhà nước “giao cho dân chúng số nhiều”.

Trong tác phẩm *Đường Cách mệnh* (xuất bản năm 1927), Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định rằng: “Chúng ta đã hy sinh làm cách mệnh, thì nên làm cho đến nơi, nghĩa là làm sao cách mệnh rồi, thì quyền giao cho dân chúng số nhiều, chớ để trong tay một bọn ít người. Thế mới khỏi hy sinh nhiều lần, thế dân chúng mới được hạnh phúc”⁽³⁾. Lý giải cho sự lựa chọn này, Người lấy dẫn chứng: “Mỹ tuy rằng cách mệnh thành công đã hơn 150 năm nay, nhưng công nông vẫn cứ cực khổ, vẫn cứ lo tính cách mệnh lần thứ hai”⁽⁴⁾. Đối với cuộc cách mạng tư sản Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh rút ra kết luận: “Cách mệnh Pháp cũng như cách mệnh Mỹ, nghĩa là cách mệnh tư bản, cách mệnh không đến nơi, tiếng là cộng hòa và dân chủ, kỳ thực trong thì nó tước lột công nông, ngoài thì nó áp bức thuộc địa. Cách mệnh đã 4 lần rồi, mà nay công nông Pháp hẵng còn mưu cách mệnh lần nữa hòng thoát khỏi vòng áp bức”⁽⁵⁾.

Thứ hai, lựa chọn theo Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười Nga.

Nghiên cứu Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười Nga năm 1917, Chủ tịch Hồ Chí Minh kết luận: “Cách mệnh Nga dạy cho chúng ta rằng, muốn cách mệnh thành công thì phải dân chúng (công nông) làm gốc, phải có đảng vững bền, phải hy sinh, phải thống nhất. Nói tóm lại là phải theo chủ nghĩa Mã Khắc Tư

và Lênin”⁽⁶⁾. Đây là sự “cụ thể hóa” kiểu chính quyền nhà nước cho “dân chúng số nhiều”, bởi vì hai giai cấp công nhân, nông dân chiếm số đông trong xã hội Nga và cả Việt Nam lúc này. Tiến thêm một bước nữa trong nhận thức, Chủ tịch Hồ Chí Minh lý giải tại sao phải đi theo con đường của cách mạng Nga: “Trong thế giới bây giờ, chỉ có cách mệnh Nga là đã thành công và thành công đến nơi, nghĩa là dân chúng được hưởng cái hạnh phúc, tự do bình đẳng thật, không phải tự do và bình đẳng giả dối như đế quốc chủ nghĩa Pháp khoe khoang bên An Nam. Cách mệnh Nga đã đuổi được vua, tư bản, địa chủ rồi, lại ra sức cho công, nông các

nước và các dân tộc bị áp bức các thuộc địa làm cách mệnh để đập đổ tất cả đế quốc chủ nghĩa và tư bản trong thế giới”⁽⁷⁾.

Thứ ba, lựa chọn mô hình chính quyền Xô-viết.

Các văn kiện được thông qua tại Hội nghị hợp nhất thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam đầu năm 1930, tuy “vắn tắt”, “tóm tắt” nhưng phản ánh đủ những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, cho nên về sau Đảng ta gọi đó là “Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng”. Trong *Chánh cương vắn tắt*, Đảng ta nêu rõ 04 điểm về phương diện chính trị, trong đó có điểm “dựng ra Chính phủ công nông binh”⁽⁸⁾. Đây cũng là nội dung nằm trong khuôn khổ Chính phủ (thực ra là chính quyền nhà nước) cho “dân chúng số nhiều”, mà cụ thể là giai cấp công nhân, giai cấp nông dân Việt Nam, còn “binh” ở đây thực chất cũng là từ công nông mà ra. Như vậy, lần đầu tiên trong lịch sử Đảng ta, ngay từ khi ra đời, kiểu chính quyền nhà nước (mà ở đây gọi là “Chính phủ”) được chọn là theo mô hình nhà nước Xô-viết.

Cũng trong năm 1930 đây biến cố chính trị này đã dấy lên một cao trào cách mạng 1930 - 1931 trong phạm vi cả nước. Đáng chú ý nhất là ở một số làng quê tỉnh Nghệ An và tỉnh Hà Tĩnh, nhân lúc chính quyền thuộc địa - phong kiến bị các cuộc đấu tranh của Nhân dân làm cho suy yếu, lực lượng cách mạng đã chiếm lĩnh trụ sở, lập nên

chính quyền cách mạng. Trong một bản báo cáo gửi Quốc tế Cộng sản, Chủ tịch Hồ Chí Minh gọi chính quyền cách mạng đó là “làng Đỏ” hoặc “Xô-viết”. Đây là chính quyền theo hình mẫu chính quyền “công nông” thực thi Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.

Cao trào cách mạng 1930 - 1931 bị thực dân Pháp và bè lũ tay sai đàn áp khốc liệt. Một trong những nguyên nhân dẫn đến thất bại của chính quyền Xô-viết Nghệ Tĩnh là mô hình này không phù hợp với điều kiện cách mạng Việt Nam lúc bấy giờ. Bởi vì, đối với một nước nửa thuộc địa nửa phong kiến như Việt Nam, lực lượng cách mạng không thể chỉ giới hạn là công - nông - binh, mà còn cần tập hợp thêm các tầng lớp khác như tiểu tư sản, địa chủ (trung, tiểu địa chủ); giai cấp tư sản dân tộc yêu nước (trừ tư sản mại bản có quyền lợi kinh tế và chính trị gắn chặt với thực dân Pháp). Việc chính quyền nhà nước chỉ dựa vào lực lượng công - nông - binh thì sức mạnh của phong trào cách mạng sẽ chắc chắn bị hạn chế. Hơn nữa, trong lãnh đạo phong trào cách mạng, Xứ ủy Trung Kỳ của Đảng lại nêu khẩu hiệu “Trí, phú, địa, hào, đào tận gốc, tróc tận rễ”, nghĩa là chỉ chấp nhận công nông mà không tập hợp các lực lượng khác. Chủ trương này đúng với tinh thần tả khuynh của Đại hội VI Quốc tế Cộng sản năm 1928 và tinh thần Hội nghị Trung ương 1 (lâm thời) tháng 10/1930, nhưng lại không đúng theo đường lối đúng đắn và sáng tạo của Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng ta đầu năm 1930.

Thứ tư, lựa chọn kiểu nhà nước Cộng hòa dân chủ Liên bang Đông Dương.

Qua các phong trào cách mạng ở thời kỳ thoái trào và phục hồi cách mạng 1932 - 1935, thời kỳ đấu tranh dân chủ 1936 - 1939, Đảng ta đã chuyển sang lập trường mới trong tư duy, chủ trương thiết lập chính quyền nhà nước mới thay thế cho kiểu chính quyền nhà nước Xô-viết, đó là chính quyền nhà nước Cộng hòa dân chủ. Bước ngoặt trong tư duy ấy được thể hiện trong Nghị quyết của Hội nghị Trung ương Đảng tháng 11/1939 tại Bà Điểm (Sài Gòn, Gia Định). Hội nghị đã đưa những quyết sách quan trọng trong bối cảnh Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, mở đầu cho chủ trương “chuyển hướng chiến lược” (hoặc “chuyển hướng chỉ đạo

chiến lược”). Đồng thời, Hội nghị đã nhận định đúng đắn rằng: “Bước đường sinh tồn của các dân tộc Đông Dương không có con đường nào khác hơn là con đường đánh đổ đế quốc Pháp, chống tất cả ách ngoại xâm, vô luận da trắng hay da vàng để giành lấy giải phóng độc lập”⁽⁹⁾.

Hội nghị quyết định nêu cao vấn đề giải phóng dân tộc, tạm gác nhiệm vụ cách mạng ruộng đất. Về mặt chính quyền cách mạng sẽ được lập ra sau khi cách mạng giải phóng dân tộc thắng lợi, Hội nghị Trung ương Đảng chủ trương: “Đưa khẩu hiệu “Chính phủ Liên bang cộng hòa dân chủ Đông Dương” là hình thức chính phủ chung cho tất cả tầng lớp dân chúng trong xứ và trong phong trào giải phóng dân tộc, một bộ phận của giai cấp tư sản còn có thể đi chung với dân chúng trong một giai đoạn”⁽¹⁰⁾.

Thứ năm, lựa chọn kiểu nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Kiểu nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được xác định tại Hội nghị Trung ương Đảng tháng 5/1941 ở Pác Bó (huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng - gọi tắt là Hội nghị Pác Bó). Hội nghị này do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, lúc này là một cán bộ của Quốc tế Cộng sản về nước từ tháng 01/1941 chủ trì. Hội nghị Pác Bó kế thừa và phát triển tư duy của Hội nghị Trung ương Đảng tháng 11/1939, tiếp tục đặt vấn đề giải phóng dân tộc lên hàng đầu và tạm gác nhiệm vụ cách mạng ruộng đất. Nghị quyết nêu rõ: “Trong lúc này quyền lợi của bộ phận, của giai cấp phải đặt dưới sự sinh tử, tồn vong của quốc gia, của dân tộc. Trong lúc này nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập, tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận, giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được”⁽¹¹⁾.

Năm 1919, thay mặt nhóm những người Việt Nam yêu nước tại Pháp, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc gửi đến Hội nghị Versailles (Pháp) - một Hội nghị chính thức kết thúc Chiến tranh thế giới thứ nhất bản “Yêu sách của nhân dân An Nam”. Lúc này, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đặc biệt quan tâm đến Chương trình 14 điểm của Tổng thống thứ 28 của Mỹ Thomas Woodrow Wilson, trong đó có điểm tôn trọng và ủng hộ quyền dân tộc tự quyết của các dân tộc thuộc tiểu trên thế giới. Nhưng trên

thực tế, đó là sự lừa dối, chỉ tuyên bố mà không làm. Trong một bài báo có tên là “Đồng Dương”, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc khẳng định: “Sau một thời gian nghiên cứu và theo dõi, chúng tôi nhận thấy rằng “chủ nghĩa Uynxơn” chỉ là một trò bịp bợm lớn”⁽¹²⁾. Chỉ có V.I.Lênin mới là người hiện thực hóa lời nói bằng hành động quyết liệt, đặc biệt thể hiện rõ khi ông chủ trương lập Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô-viết (gọi tắt là Liên Xô). Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã tiếp thu, vận dụng tư tưởng và mô hình đó đối với việc hình thành chủ trương và áp dụng vào thực tiễn việc xây dựng một nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, chỉ dành riêng cho Việt Nam, chứ không phải là cho toàn Đông Dương.

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 của Việt Nam đã xóa bỏ chế độ thuộc địa và phong kiến, lấy lại tên “Việt Nam”, kết thúc một giai đoạn bi hùng trong sự tồn tại một cộng đồng dân tộc. Sự kết thúc đó chính là sự mở đầu của Nhà nước hoàn toàn mới trong lịch sử dân tộc, cũng là sự mở đầu của một kỷ nguyên mới: kỷ nguyên độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Tại Đại hội Quốc dân họp ở Tân Trào, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, Ủy ban Dân tộc giải phóng được lập ra. Ít lâu sau, Ủy ban được cải tổ thành Chính phủ lâm thời Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Lãnh tụ Hồ Chí Minh được cử làm Chủ tịch. Bản *Tuyên ngôn Độc lập* do Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tuyên đọc chiều ngày 02/9/1945 tại Vườn hoa Ba Đình, Hà Nội trước sự hiện diện rất đông đảo Nhân dân đã ghi dấu sự kiện lịch sử vĩ đại đó.

Sau này, trong một hoàn cảnh lịch sử đặc biệt, ngày 06/3/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và ông Jean Sainteny - đại diện Chính phủ Pháp ký Hiệp định Sơ bộ. Theo đó, Chính phủ Pháp công nhận Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là một “quốc gia tự do nằm trong Khối liên hiệp Pháp”. Việt Nam có Chính phủ, Nghị viện, Quân đội và tài chính riêng. Trên thực tế, kiểu nhà nước này (nằm trong Khối liên hiệp Pháp) chỉ ở trên giấy và đã không thể thực thi do thực dân Pháp tái chiếm Việt Nam. Nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo

của Đảng và Nhà nước mới, đã tiến hành cuộc “kháng chiến thần thánh” 9 năm (1945 - 1954) với Chiến thắng Điện Biên Phủ “lùng lẩy năm châu, chấn động địa cầu”, dẫn tới việc ký kết Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về đình chỉ chiến tranh, khôi phục hòa bình ở Đông Dương, buộc các nước phải cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của ba nước Việt Nam, Lào và Campuchia, chính thức chấm dứt chế độ thực dân Pháp tại Đông Dương.

Thực tiễn lịch sử khẳng định, Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã hiện diện và phát huy vai trò to lớn trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ cứu nước và đã làm tròn nhiệm vụ quản lý, quản trị đất nước sau khi thống nhất hai miền Nam - Bắc. Sau đó, Nhà nước được đổi tên thành Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam - một Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Một chính thể nhà nước đã hình thành như thế qua bao biến thiên của lịch sử, phản ánh sự lựa chọn hoàn toàn phù hợp với điều kiện của Việt Nam và hiện nay đang tiếp tục phát huy vai trò dẫn dắt dân tộc vững bước tiến vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên phát triển phồn vinh, thịnh vượng của dân tộc Việt Nam./.

Ghi chú:

(1) C.Mác - Ph.Ăngghen, *Tuyển tập*, tập 1, Nxb Sự thật, H.1962, tr.284.

(2) Trong cả cuộc đời mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh mang rất nhiều tên. Để tiện theo dõi, trong bài viết này, xin được gọi một tên thay cho tất cả: “Hồ Chí Minh”.

(3), (4), (5), (6), (7) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 2, Nxb CTQG-ST, H.2011, tr.292, tr.291, tr.296, tr.304, tr.304.

(8) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 3, Nxb CTQG-ST, H.2011, tr.1.

(9), (10) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, tập 6 (1936-1939), Nxb CTQG, H.2000, tr.538, tr.541.

(11) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, tập 7 (1936-1939), Nxb CTQG, H.2000, tr.113.

(12) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 12, Nxb CTQG-ST, H.2011, tr.441.